

RÈN LUYỆN NĂNG LỰC GIẢNG DẠY CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM: KINH NGHIỆM TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Lê Thái Minh Long

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
Email: longltm9498@gmail.com

Article history

Received: 12/4/2022

Accepted: 10/5/2022

Published: 20/6/2022

Keywords

Training, teaching capacity,
pedagogical students,
international integration,
Asian countries

ABSTRACT

In the current context of fundamental and comprehensive educational innovation, the training of high-quality human resources and international integration, and the strengthening of teaching capacity training for pedagogical students are vital. The article explores and reviews the existing literature on pedagogical capacity developing activities in some Asian countries such as Singapore, Japan, Iran and Taiwan. Through the analysis of the experiences from other countries, the article proposes lessons for Vietnam in determining the goals of capacity building and developing teaching competency standards for pedagogical students. This is considered a useful reference to evaluate and design an appropriate training program.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, chú trọng yếu tố thực hành, gắn liền với thực tiễn, giảm tải áp lực cho người học các kiến thức lý thuyết hàn lâm, hạn chế sự áp lực học tập của HS. Các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đề cao vai trò tính ứng dụng, gắn liền với thực tiễn cuộc sống, nhưng vẫn bám sát đặc điểm đặc thù của môn học (Bộ GD-ĐT, 2018a). Chương trình được xây dựng trên nhu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục, từng bước hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vì vậy đòi hỏi người giảng dạy phải có khả năng thích ứng và có năng lực đáp ứng được nhu cầu đó. Sinh viên (SV) sư phạm là thế hệ kế thừa và tiếp bước thực hiện sự đổi mới giáo dục, thực hiện giảng dạy theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tuy nhiên, việc thực hiện việc giảng dạy là một vấn đề không hề đơn giản và luôn được các nhà nghiên cứu giáo dục quan tâm. Torres (1996) cho rằng, không thể thực hiện được cải cách giáo dục nếu điều đó không bắt đầu từ việc thay đổi từ năng lực giảng dạy, là điều kiện cơ bản và tiên quyết nhất của việc cải cách giáo dục. SV phải được đào tạo, rèn luyện năng lực giảng dạy từ cơ bản đến nâng cao, là điều quan trọng để làm hành trang cho các em trở thành một GV trong tương lai. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đều coi hoạt động đào tạo, rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm là yêu cầu quan trọng, cấp thiết và bắt buộc trong việc phát triển giáo dục của mỗi quốc gia.

Bài báo này nghiên cứu, tham khảo quá trình rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm của các quốc gia tại các nước châu Á, từ đó rút ra một số đề xuất cho giáo dục Việt Nam làm cơ sở vận dụng phù hợp trong bối cảnh thay đổi của chương trình giáo dục nước ta hiện nay. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu với mục đích nhằm thu thập, tổng hợp và phân tích các chương trình, các nghiên cứu về rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm trên thế giới. Từ việc phân tích các nguồn tài liệu sơ cấp và tài liệu chính thống từ các sách chuyên khảo, chương trình, tạp chí khoa học, báo cáo khoa học của các tài liệu trên về đào tạo, giáo dục của một số quốc gia tại châu Á là cơ sở bàn luận nhằm xây dựng một số khái niệm, phân tích kinh nghiệm hoạt động rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm. Thông qua đó, các trường đại học sư phạm học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia châu Á để xây dựng tiêu chuẩn năng lực giảng dạy, xác định mục tiêu rèn luyện năng lực giảng dạy từ đó rèn luyện cho SV sư phạm.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Nguyễn Đình Chinh và Phạm Trung Thanh (1999) đã phân tích hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một hoạt động cơ bản trong chương trình đào tạo nghề GV. Hoạt động này có vai trò quan trọng giúp SV sư phạm rèn luyện các năng lực sư phạm bằng cách củng cố, mở rộng và có khả năng đào sâu những tri thức sư phạm.

Rèn luyện là luyện tập nhiều lần trong thực tế để đạt tới những phẩm chất hay trình độ vững vàng, thông thạo (Hoàng Phê, 2003, tr 826). Hoạt động dạy học bao gồm hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HS. Năng lực giảng dạy không tồn tại độc lập mà luôn được gắn với nhà trường trong bối cảnh giáo dục và sự phát triển của văn hóa xã hội. Năng lực giảng dạy được thể hiện thông qua khả năng linh hoạt giảng dạy đáp ứng phát triển

năng lực người học (Hatano & Oura, 2003) nên “năng lực giảng dạy” sẽ là khái niệm mô tả và làm rõ hơn vai trò giảng dạy của GV. Năng lực giảng dạy là đặc điểm nổi bật của mỗi GV, cho phép GV có khả năng thực hiện tiết dạy của mình dựa trên sự huy động và tổng hợp kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm của bản thân để có cách giảng dạy phù hợp vận dụng vào các điều kiện dạy học khác nhau để giải quyết các vấn đề có trong quá trình thực hiện hoạt động trên lớp học.

Trong xu thế của sự biến đổi toàn cầu hóa yêu cầu việc hội nhập là hết sức cần thiết. Trong đó, giáo dục đóng vai trò đặc biệt trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Sự phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế thị trường trong xu thế hội nhập đặt giáo dục vào một vai trò quan trọng khi sản phẩm của nền giáo dục tạo ra con người tham gia trực tiếp vào sự phát triển. Giáo dục đòi hỏi chuyển từ dạy học kiến thức sang dạy học kỹ năng, đặt ra những yêu cầu về phát triển phẩm chất và năng lực người học. Rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục trong nước và nhu cầu hội nhập quốc tế là một yêu cầu hết sức cần thiết vì SV sư phạm là một thế hệ GV tương lai, là nguồn lực trực tiếp tham gia vào việc thay đổi căn bản, toàn diện giáo dục.

2.2. Kinh nghiệm rèn luyện năng lực giảng dạy cho sinh viên sư phạm tại một số quốc gia châu Á

Từ nghiên cứu của Showers (1984) về rèn luyện năng lực giảng dạy, chương trình đào tạo GV so với nội dung giảng dạy và sách giáo khoa không tương thích với nhau. Do đó, người được đào tạo không sử dụng được kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ của một GV. Tác giả cho rằng, các GV được kì vọng áp dụng các mô hình giảng dạy tốt hơn so với những gì đã được đào tạo.

Hoạt động giảng dạy là hoạt động đặc thù của GV. Để thực hiện tốt hoạt động của GV, SV sư phạm tại các trường đại học sư phạm phải được rèn luyện năng lực giảng dạy một cách bài bản và đầy đủ nhất. Rèn luyện năng lực trong quá trình học tập của SV sư phạm là cần thiết để giúp học được cách khai thác các năng lực một cách thích hợp, được đào tạo chuyên sâu nhưng ít tốn kém nhất, đảm bảo chất lượng của hoạt động đào tạo GV thực hiện phát triển nghề nghiệp sư phạm cho SV. Các chương trình đào tạo GV phải làm rõ bản chất của mục tiêu và năng lực giảng dạy của SV sư phạm cần đạt được để trở thành một GV (Fielding & Schalock, 1985).

Trong nghiên cứu về một chương trình đào tạo GV về năng lực phương pháp giảng dạy của Barbosa và Vieira (2014), các tác giả đã phản ánh rằng, cách tiếp cận rèn luyện phương pháp dạy học cho SV sư phạm trong giáo dục đại học có thể thúc đẩy sự tự chủ nghề nghiệp và có sự chuẩn bị kỹ càng cho GV tương lai trong các trường phổ thông. Nghiên cứu cũng cho thấy, trường đại học đào tạo cho SV sư phạm phải hỗ trợ phương tiện dạy học theo hướng hiện đại để định hình các phương pháp dạy học trong giáo dục SV và nâng cao tiềm năng đổi mới phương pháp giáo dục phổ thông hiện nay.

Qua đó, tác giả tìm hiểu và trình bày một số kinh nghiệm trong rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại một số nền giáo dục tại châu Á, cụ thể là Singapore, Nhật Bản, Iran và Đài Loan.

- *Kinh nghiệm rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Singapore*: Singapore được xem là một trong những quốc gia có nền giáo dục phát triển nhất khu vực châu Á. Tương tự với các nước khác, Singapore cũng đặt phát triển giáo dục là mục tiêu tất yếu, phát triển chất lượng giáo dục ở bậc đại học tiên tiến, hiện đại. Tại đây, rèn luyện năng lực giảng dạy yêu cầu phải có khả năng liên tục đổi mới, sáng tạo ra kiến thức chứ không chỉ dừng ở mức tiếp nhận kiến thức một chiều. Năng lực giảng dạy phải thể hiện trên việc người dạy phải có khả năng xây dựng phương pháp giảng dạy “cởi mở” phát triển năng lực người học, đề xuất các phương pháp học tập tích cực hiệu quả. SV được trang bị khả năng kiến tạo giáo dục, có khả năng hình thành các thế hệ người học phát triển riêng biệt, tôn trọng sự khác biệt và dạy học phân hóa cho HS. Do đó, mỗi SV sau quá trình rèn luyện năng lực giảng dạy với nhiều đòi hỏi cao tại các trường đại học khi trở thành GV sẽ trở thành một sự thay đổi tích cực và thuyết phục trong các hoạt động giảng dạy và giáo dục nói chung. Nền giáo dục Singapore có một điều đặc biệt khi thực hiện giảng dạy, mỗi GV không chỉ chịu trách nhiệm về kết quả của HS mà mình giảng dạy mà còn đồng hành cùng các GV khác phát triển năng lực, đòi hỏi sự đoàn kết trong tập thể sư phạm, không để bất cứ GV nào có năng lực giảng dạy bị lùi lại phía sau. Do đó, các GV thường xuyên họp lại cùng nhau đánh giá kết quả lao động giảng dạy một cách công khai, tích cực, xem xét cách giảng dạy, cải tiến của bản thân có thật sự phát huy hiệu quả hay không (Chong, 2014). Theo đánh giá của Sclafani (2008), Singapore là một trong những hệ thống giáo dục và tuyển dụng GV chặt chẽ nhất trên thế giới với các tiêu chuẩn cao để lựa chọn GV, quản lý nghề nghiệp nghiêm túc từ khi chuẩn bị đến khi nghỉ hưu, ý thức của mỗi cá nhân khi lựa chọn nghề GV rất chuyên nghiệp, có chiến lược và các nguồn lực tài chính để giữ chân và thu hút các GV xuất sắc.

- *Kinh nghiệm rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Nhật Bản*: Cải cách đào tạo GV tại Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II được tiến hành theo ảnh hưởng của Hoa Kỳ do Nhật Bản bị quân đội Hoa Kỳ

chiếm đóng (Inoue, 1975). Từ những năm 1946, chương trình đào tạo GV phải được đào tạo trong các trường đại học hoặc cao đẳng đa ngành; chương trình đào tạo GV bao gồm 3 phần: Giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và kiến thức về nghề dạy học. Đặc trưng của đào tạo GV tại Nhật Bản là SV sư phạm là những SV được nhận vào đào tạo sau khi đã hoàn thành một chương trình giáo dục đại học trước đó, do đó SV sư phạm đã có kiến thức chuyên môn nền tảng vững chắc từ trước. Mọi cơ sở giáo dục đại học đều có chức năng tuyển sinh và đào tạo GV theo quy định để rèn luyện năng lực giảng dạy đáp ứng nghiệp vụ cho SV sư phạm thi chứng chỉ dạy học. Sau khi hoàn thành rèn luyện năng lực giảng dạy, tất cả SV phải tham gia kì thi cấp chứng chỉ dạy học do Hội đồng giáo dục cấp tỉnh tổ chức. Nội dung chính của việc rèn luyện chủ yếu được thực hiện ở trường phổ thông, SV sư phạm được các hướng dẫn từ các GV có kinh nghiệm, phần lớn thời gian được giành cho việc dự giờ, tham gia các seminar và các hoạt động thực tế, trải nghiệm khác nhau của nghề GV (Arimoto, 2002).

- *Kinh nghiệm rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Iran*: Qua nghiên cứu về chương trình đào tạo năng lực giảng dạy cho SV sư phạm của Iran, Aliakbari và cộng sự (2019) quan tâm và xem xét năng lực giảng dạy cần thực hiện trong quá trình đào tạo là: Thiết kế chương trình giảng dạy, tạo ra môi trường lớp học hiệu quả, cách hướng dẫn và hỗ trợ cho người học, sử dụng phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với năng lực người học và phong cách giảng dạy chuyên nghiệp. Một yếu tố tác động được nhóm tác giả đánh giá có ảnh hưởng đến năng lực giảng dạy của SV sư phạm là kết quả thi đầu vào đại học, hầu hết các trường đại học này có sự đả ngộ về lương cho SV sư phạm vì thế sự cạnh tranh là rất khó khăn. Hầu hết những SV sư phạm trúng tuyển vào chương trình đào tạo GV của các trường này đều đặt ra các tiêu chuẩn rất cao cho bản thân; đặc biệt là sự rèn luyện năng lực giảng dạy tích cực cho bản thân để đáp ứng yêu cầu tham gia giảng dạy với vai trò là GV khi tốt nghiệp.

- *Kinh nghiệm rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Đài Loan*: Các trường đại học sư phạm tại Đài Loan được phân bổ số lượng SV sư phạm để đào tạo hằng năm theo nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị. Số lượng SV sư phạm được tuyển dụng để được đào tạo và rèn luyện năng lực giảng dạy hằng năm rất ít, đảm bảo cho việc khi tốt nghiệp mọi SV đều đáp ứng công tác giảng dạy tại các đơn vị. Việc tuyển dụng SV được đào tạo để trở thành GV tại Đài Loan diễn ra rất khó và đúng quy trình, mỗi SV phải trải qua kì thi kiến thức về giáo dục nói chung và đánh giá năng lực chuyên môn riêng biệt, để tăng khả năng được tuyển chọn, các trường sư phạm sẽ đánh giá khả năng thuyết trình của SV thông qua các cuộc phỏng vấn, một số trường hợp SV có năng lực đặc biệt sẽ được các nhà khoa học có thư giới thiệu đến các đơn vị để các đơn vị xem xét gửi đi bồi dưỡng tại các trường sư phạm. Bên cạnh việc học kiến thức chuyên ngành, SV sẽ tập trung chủ yếu phát triển năng lực giảng dạy và phải trải qua kì thi đánh giá năng lực giảng dạy để có chứng chỉ hành nghề GV (Zhu & Fang, 2011).

2.3. Một số đề xuất về rèn luyện năng lực giảng dạy cho sinh viên sư phạm tại Việt Nam

Theo Nguyễn Thị Thanh Hồng (2015), kiến thức giáo dục và các phương pháp giảng dạy của nhiều SV sư phạm được học tại trường đại học không áp dụng được nhiều khi tốt nghiệp trở thành một GV. Với thay đổi trong giáo dục Việt Nam hiện nay, một trong những con đường hình thành năng lực giảng dạy cho SV sư phạm là thực hiện quá trình đào tạo tại các trường đại học sư phạm. Cùng với yêu cầu đổi mới giáo dục, vai trò của các trường đại học sư phạm trên cả nước là hết sức quan trọng, các trường nắm vai trò xây dựng lại chương trình đào tạo và bồi dưỡng năng lực giảng dạy học SV sư phạm để đội ngũ này khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu (Nguyễn Thanh Thủy, 2019). Đặc trưng của quá trình đào tạo GV là hoạt động rèn luyện năng lực giảng dạy dành cho SV sư phạm trong suốt quá trình tại các trường đại học sư phạm. Mọi kế hoạch rèn luyện, phát triển chương trình rèn luyện cần được chú trọng đến việc xem xét và hoàn thiện mục tiêu rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm. Việc xác định mục tiêu ngay từ đầu sẽ giúp giảng viên đại học sư phạm và GV các trường THPT sẽ biết được những điều cần phải làm để giúp SV sư phạm đạt được năng lực giảng dạy theo mục tiêu đề ra (Bùi Thị Mùi, 2011). Vì thế, hoạt động rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm là một quá trình thực hiện đào tạo khả năng giảng dạy và khả năng tự phát triển tri thức sư phạm dựa trên nội dung kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm đã có một cách thành thạo dựa trên mục tiêu và nội dung đã đề ra trong chương trình đào tạo giúp cho SV sư phạm tiếp cận và thích ứng với nghề GV.

Khác với chương trình của Nhật Bản, đào tạo GV tại Việt Nam là một ngành học cụ thể tại bậc đại học, kiến thức chuyên môn và kiến thức về giảng dạy được thiết kế chung trong một chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo và rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Việt Nam bị hạn chế về mặt thời gian hơn so với Nhật Bản. Vì thế, việc phân chia thời gian cho việc cung cấp kiến thức chuyên môn và rèn luyện năng lực giảng dạy tại các trường đại học sư phạm phải cân nhắc phù hợp.

Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là chương trình giáo dục với yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Chương trình là nội dung quan trọng trong việc thực hiện hóa mục đích và mục tiêu giáo dục. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt Chương trình, theo đó một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình là “*bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại*”. Vì vậy, để thực hiện được chương trình cần phải có một tiêu chuẩn năng lực giảng dạy nhất định. Theo Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông, tiêu chuẩn GV gồm 5 tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 1 - Phẩm chất nhà giáo; Tiêu chuẩn 2 - Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; Tiêu chuẩn 3 - Xây dựng môi trường giáo dục; Tiêu chuẩn 4 - Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Tiêu chuẩn 5 - Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục (Bộ GD-ĐT, 2018b).

Năng lực giảng dạy thuộc nội dung của Tiêu chuẩn 2 - Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ với các năng lực cụ thể: Phát triển chuyên môn bản thân; Xây dựng kế hoạch dạy học; Sử dụng phương pháp dạy học; Kiểm tra, đánh giá; Tư vấn và hỗ trợ HS.

- *Với nội dung phát triển chuyên môn bản thân*: SV sư phạm cần trang bị các kiến thức khoa học nền tảng. Bên cạnh về năng lực kiến thức khoa học, kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học cũng cần được rèn luyện, chuẩn bị kiến thức khoa học chuyên môn của môn học là điều cần thiết và cần có kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học để giảng dạy trong nhiều môi trường dạy học khác nhau.

- *Với nội dung xây dựng kế hoạch dạy học*: Kế hoạch dạy học cần được thực hiện thống nhất theo tiêu chuẩn chung nhất định, vì thế SV sư phạm cần rèn luyện năng lực xây dựng kế hoạch dạy học một cách bài bản, chuẩn mực. Kế hoạch xây dựng phải bám sát mục tiêu giáo dục, nội dung lựa chọn trong kế hoạch dạy học bám sát với chương trình, hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực cá biệt của từng HS, và nội dung giảng dạy có mối liên hệ với thực tiễn cuộc sống thể hiện năng lực kiến tạo giáo dục của SV sư phạm.

- *Với nội dung sử dụng phương pháp dạy học*: SV sư phạm được rèn luyện phải thường xuyên cập nhật được những phương pháp dạy học tích cực, hiện đại, có khả năng áp dụng vào các bài giảng. Tùy vào từng nội dung bài giảng, từng đối tượng học khác nhau để vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Năng lực giảng dạy được thể hiện qua khả năng linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau giảng dạy nhằm đáp ứng năng lực học tập của người học (Vogt & Rogalla, 2009). Do đó, tác giả Trần Thị Hải Yến (2012) cũng cho rằng, năng lực giảng dạy của mỗi SV sư phạm còn thể hiện ở việc sử dụng các phương pháp dạy học và phương tiện dạy học một cách hiệu quả.

- *Với nội dung kiểm tra, đánh giá*: Có thể hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trên các nước không đặt nặng như áp lực thành tích học tập tại Việt Nam. Hoạt động dạy học luôn gắn liền với hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS sinh. Do đó việc rèn luyện năng lực giảng dạy đối với SV sư phạm cũng đồng nghĩa với việc phải rèn luyện cho SV sư phạm thực hiện khả năng kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, năng lực kiểm tra, đánh giá của SV sư phạm được thể hiện qua năng lực đánh giá kết quả học tập của HS và năng lực đánh giá quá trình dạy học. Trước đây, đánh giá kiến thức dựa trên bài kiểm tra đưa ra điểm số để phân loại HS, việc kiểm tra, đánh giá phẩm chất, năng lực của HS đòi hỏi phải có một quá trình liên tục theo dõi từ nhiệm vụ học tập này sang nhiệm vụ học tập khác mới có được cái nhìn toàn diện về khả năng của cá nhân đó (Nguyễn Đức Danh và Lê Thanh Hải, 2018)

- *Với nội dung tư vấn và hỗ trợ HS*: Trong năng lực giảng dạy, SV sư phạm cần cần hình thành được năng lực tư vấn và hỗ trợ HS trong quá trình giảng dạy. Khi thực hiện kế hoạch bài dạy, có thể trong lớp học có những HS đáp ứng được yêu cầu của bài dạy, nhưng cũng có một số HS không đáp ứng được, vì thế SV sư phạm cần có năng lực quan sát và hỗ trợ cho HS trong quá trình học. Bên cạnh đó, hiện nay các hoạt động học tập chủ yếu HS đóng vai trò trung tâm, vì thế thông qua các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động học tập có các biện pháp hỗ trợ HS.

Tại các trường phổ thông, khi thực hiện chương trình giáo dục ở các trường phổ thông, các GV cũng có nhiệm vụ hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện. Sự hỗ trợ này thực hiện ở các nội dung thực hiện theo năng lực giảng dạy, có thể thực hiện chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các GV trong cùng tổ chuyên môn với nhau. Đây có thể là năng lực khó nhất đối với SV sư phạm vì SV sư phạm trong quá trình học tập và rèn luyện năng lực sư phạm ít có cơ hội tiếp xúc với HS để giảng dạy thực tế và có những khó khăn cần trao đổi với nhau. Vì thế, khi rèn luyện năng lực giảng dạy tại các trường sư phạm, SV cần thực hành giảng dạy và trao đổi với các bạn khác, xem như là buổi thực hành về hợp tổ chuyên môn với nhau qua đó chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, hoạt động đào tạo GV và rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm cần có sự tham khảo giáo dục của một số quốc gia. Tuy nhiên, khi áp dụng tại Việt Nam cần giữ được bản sắc giáo dục

đặc trưng của Việt Nam (Phạm Chí Dũng, 2007). Việc áp dụng sự đổi mới cho hoạt động rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Việt Nam bắt đầu từ việc xác định mô hình và mục tiêu đào tạo. Mô hình đào tạo GV tại Việt Nam cơ bản vẫn là đào tạo tại các trường đại học sư phạm và các trường đại học được giao nhiệm vụ đào tạo GV, bên cạnh đó cần xác định về chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra của SV sau khi học. Việc rèn luyện SV sư phạm có thể áp dụng mô hình của Đài Loan, các trường đại học sư phạm có thể xác định chỉ tiêu hằng năm theo yêu cầu xã hội, hay nói cách khác là số lượng SV sư phạm được nhận vào đào tạo tương đương với nhu cầu tuyển dụng GV khi các SV khóa đó tốt nghiệp.

Việc rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV phải dựa vào các tiêu chuẩn nghề nghiệp GV. Nhìn vào chuẩn nghề nghiệp có thể đánh giá SV sư phạm cần những năng lực cần thiết nào. Bộ tiêu chuẩn gồm nhiều tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy cho SV sư phạm, mỗi tiêu chuẩn gồm nhiều tiêu chí, mỗi tiêu chí gồm các mức đánh giá năng lực thể hiện từ thấp đến cao. Chính vì vậy, các cơ sở đào tạo GV nói chung và các trường đại học sư phạm nói riêng cùng nhau xây dựng bộ tiêu chuẩn năng lực giảng dạy nhằm làm cơ sở để rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm. Bộ tiêu chuẩn này sẽ rất cần thiết và quan trọng, tạo tiền đề cho các trường sư phạm xây dựng chương trình đào tạo của nhà trường và xây dựng kế hoạch đào tạo.

Chương trình đào tạo và các hoạt động rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm cần được xây dựng theo hướng linh động, chương trình có thể phát triển thường xuyên, cập nhật những nội dung mới, tránh việc một chương trình sử dụng quá lâu mà không có việc đổi mới, sáng tạo. Chương trình phối hợp được kiến thức chuyên môn nền tảng và kiến thức, năng lực giảng dạy cho SV sư phạm, đồng thời chú trọng thời gian, địa điểm cho SV sư phạm rèn luyện các năng lực giảng dạy của bản thân với trải nghiệm thực tiễn thông qua hoạt động thực hành, thực tập tại các trường phổ thông.

3. Kết luận

Rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm giúp hình thành những GV tương lai tham gia trực tiếp vào sự đổi mới giáo dục căn bản và toàn diện ở nước ta hiện nay. Việc hội nhập quốc tế có thể bắt đầu từ việc hội nhập trong khu vực châu Á, do đó, bài báo này tiếp cận hội nhập giáo dục theo kinh nghiệm của một số quốc gia châu Á. Từ việc nghiên cứu nền giáo dục và quá trình rèn luyện năng lực giảng dạy cho SV sư phạm tại Singapore, Nhật Bản, Iran và Đài Loan cho thấy, giáo dục tại Việt Nam có thể học hỏi, cập nhật và áp dụng linh hoạt để đáp ứng nhu cầu hình thành năng lực cần có của GV. Ngoài ra, các trường đại học sư phạm tại Việt Nam cần cơ cấu lại mô hình đào tạo GV, xác định bộ tiêu chuẩn về các năng lực giảng dạy cần rèn luyện cho SV sư phạm, từ đó áp dụng để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- Aliakbari, M., Tabatabaei, F. S., & Khajavi, Y. (2019). Iranian teacher education programmes: EFL student teachers perspectives on their future teaching abilities. *Cogent Education*, 6(1), 1665407.
- Arimoto, M. (2002). Teacher Education Colleges and Institutions in Japan at a Crossroads: Challenges and Opportunities for the 21st Century. *AsiaPacific Journal of Teacher Education & Development*, 5(2), 75-95.
- Barbosa, I., & Vieira, F. (2014). Making a Difference in Teacher Education?: A Case Study. *International Journal of Learning in Higher Education*, 20(1), 31-43.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Bùi Thị Mùi (2011). Giải pháp hoàn thiện mục tiêu rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, 70, 11-13.
- Chong, S. (2014). Academic quality management in teacher education: a Singapore perspective. *Quality Assurance in Education*, 22(1), 53-64.
- Fielding, G. D., & Schalock, H. D. (1985). *Promoting the professional development of teachers and administrators (Vol. 31)*. ERIC/CEM School Management Digest Series, Number 31: ERIC.
- Hatano, G., & Oura, Y. (2003). Commentary: reconceptualising school learning using insight from expertise research. *Educational researcher*, 32(8), 26-29.
- Hoàng Phê (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Inoue, H. (1975). The historical background and reforms of teacher training. *Education in Japan*, 8, 69-83.

- Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh (1999). *Kiến tập và thực tập sư phạm*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Đức Danh, Lê Thanh Hải (2018). Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên theo yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 444, 5-8.
- Nguyễn Thanh Thủy (2019). Biện pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông. *Tạp chí Khoa học, Đại học Đồng Nai*, 12, 10-16.
- Nguyễn Thị Thanh Hồng (2015). Hình thành năng lực dạy học cho sinh viên Đại học Sư phạm qua giảng dạy môn Giáo dục học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 60(8B), 172-179.
- Phạm Chí Dũng (2007). Liệu có giữ được bản sắc dân tộc về đào tạo đại học trong hội nhập quốc tế?. *Tạp chí Phát triển kinh tế, số tháng 3*, 40-43.
- Sclafani, S. (2008). *Rethinking Human Capital in Education: Singapore as a Model for Teacher Development*. Aspen Institute.
- Showers, B. (1984). *Peer coaching: a strategy for facilitating transfer of training*. University of Oregon, Center for Education: Policy and Management.
- Torres, R. M. (1996). Without the reform of teacher education there will be no reform of education. *Prospects*, 26(3), 447-467.
- Trần Thị Hải Yến (2012). Bồi dưỡng năng lực dạy học của giáo viên ở tổ chuyên môn trường trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp. *Tạp chí Giáo dục*, 282, 6-8.
- Vogt, F., & Rogalla, M. (2009). Developing adaptive teaching competency through coaching. *Teaching and Teacher Education*, 25(8), 1051-1060.
- Zhu, Y., & Fang, Y. (2011). Characterizing reform and change of teacher education in China in the new era. *Journal of Research, Policy & Practice of Teacher and Teacher Education*, 1(1), 30-44.